

Bản án số: 147/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 11- 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân H.

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Tăng Tấn L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 190, Q, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn T2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C.

2. Bà Nguyễn Hồng T3 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Chí L – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

** Ông Tăng Tấn L – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/12/2019, ông Th có ký kết hợp đồng mua bán nước đá với ông L, giá mỗi cây nước đá là 14.000 đồng. Do ông L không có chỗ chứa nước đá nên ông Th cho ông L mượn 60.000.000 đồng để xây kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2020, ông L lấy nước đá của hãng nước đá khác dẫn đến phát sinh tranh chấp. Ông T - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân H khởi kiện yêu cầu anh L trả lại số tiền 60.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Nguyễn Chí L trình bày:*

Ông thừa nhận vào ngày 22/12/2019 giữa ông với ông T có ký hợp đồng mua bán nước đá theo như phía nguyên đơn trình bày. Theo hợp đồng thể hiện nội dung, ông T đưa cho ông 60.000.000 đồng để đầu tư xây dựng kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho, ông đã nhận số tiền trên, chi phí xây dựng kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho là 117.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng khoảng 02 - 03 tháng, ông T không có đủ số lượng nước đá để giao cho ông nên hai bên thống nhất ông L lấy nước đá của người khác. Đến tháng 9 năm 2020, hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng mua bán nước đá, ông T yêu cầu ông L đưa cho ông T 10.000.000 đồng tiền đầu tư xây dựng kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho, ông L đồng ý và đã đưa cho ông T số tiền 10.000.000 đồng (không có biên nhận). Khoảng 02 ngày sau, ông T điện thoại nói cha ông T không đồng ý và yêu cầu ông đưa thêm tiền nhưng ông không đồng ý. Ông không đồng ý trả cho ông T số tiền 60.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H.

Buộc ông Nguyễn Chí L trả cho ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H số tiền 51.477.430 đồng (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/5/2021 ông Nguyễn Chí L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham dự phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Nguyễn Chí L. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 22/12/2019, ông T có ký kết hợp đồng mua bán nước đá với ông L, giá mỗi cây nước đá là 14.000 đồng. Do ông L không có chỗ chứa nước đá nên ông T cho ông L mượn 60.000.000 đồng để xây kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2020, ông L lấy nước đá của hãng nước đá khác dẫn đến phát sinh tranh chấp. Ông T - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân H khởi kiện yêu cầu anh L trả lại số tiền 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông L trả lại số tiền là 51.477.430 đồng.

Ông L thừa nhận có ký kết hợp đồng hợp tác nêu trên, ông T có đưa cho ông L 60.000.000 đồng để đầu tư xây dựng kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho, ông đã nhận số tiền trên, chi phí xây dựng kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho là 117.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng khoảng 02 - 03 tháng, do ông T không có đủ số lượng nước đá để giao cho ông L nên hai bên thống nhất ông L lấy nước đá của người khác. Đến tháng 9 năm 2020, hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng mua bán nước đá, ông L lấy nước đá chỗ khác (Hãng nước đá Gia Bảo). Theo ông L khi chấm dứt hợp đồng, ông T yêu cầu ông đưa cho ông T 10.000.000 đồng tiền đầu tư xây dựng kho chứa nước đá và làm đường xe chạy vào kho, ông vẫn đồng ý và đã đưa cho ông T số tiền 10.000.000 đồng. Theo ông L thì ông T yêu cầu ông đưa cho ông T 10.000.000 đồng để ông L được giữ lại tài sản đã đầu tư mà không phải tháo dỡ. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án ông L không đưa ra được chứng cứ hai bên có thỏa thuận về việc này, cũng như không có biên nhận ông đã giao ông T 10.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định công trình xây trên đất là đất của bà T3 (là chị ruột của ông L), nên ông không đồng ý nhận tài sản, ông L đề nghị ông T trả lại tiền xây dựng, ông L cho ông T nhận tài sản. Xét thấy, việc ông T đầu tư tiền cho ông L làm nhà kho giữ đá, còn việc ông L xây dựng trên đất của gia đình của ông là do ông L tự quyết định. Do ông L không lấy nước đá của ông T như thỏa thuận theo hợp đồng, các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng, nên ông T có quyền kiện đòi lại số tiền ông đã đưa cho ông L đầu tư. Đồng thời tại tòa phúc thẩm, ông L và bà T3 cũng xác định họ vẫn còn sử dụng kho này để giữ đá, do bà T3 mua tôm công nghiệp. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi cũng thể hiện kho chứa đá vẫn được phía

bị đơn sử dụng. Như vậy, cần xác định từ khi ký hợp đồng đến khi chấm dứt hợp đồng và tranh chấp, đến hiện nay kho này phía ông L vẫn còn sử dụng, nên phía ông L phải hoàn trả lại giá trị tài sản còn lại cho ông T là phù hợp.

[4] Đối với việc ông L cho rằng do phải trả lại đất cho bà T3, nên ông không nhận tài sản, để lại cho ông T nhận tài sản. Như đã nhận định trên, ông T đã đầu tư tiền cho ông L xây kho theo cam kết của hợp đồng, do ông L vi phạm hợp đồng, thì ông L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mà ông T đã đưa cho ông L để xây dựng. Còn việc ông L, hay bà T3 tiếp tục sử dụng kho này, hoặc bà T3 không cho tồn tại kho này trên đất đối với ông L, vấn đề này thuộc giao dịch giữa chị em của bà T3 và ông L. Phía ông L và bà T3 có thể tự thỏa thuận việc duy trì kho chứa đá này, nếu không thỏa thuận được thì vấn đề mượn đất giữa bà T3 và ông L được giải việc bằng vụ kiện khác.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 510 Bộ luật dân sự “Thành viên rút khỏi hợp đồng hợp tác có quyền yêu cầu nhận lại tài sản đã đóng góp... Trường hợp việc phân chia tài sản bằng hiện vật làm ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác thì tài sản được tính giá trị thành tiền để chia”. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 22/01/2021 thể hiện: Tổng các chi phí xây dựng nhà, kho chứa đá và làm đường cho xe chạy vào kho chứa nước đá là 105.355.870 đồng, ông T đầu tư 60.000.000 đồng, theo đó chiếm tỷ lệ 56,94%. Giá trị tài sản còn lại tại thời điểm định giá là 90.470.000 đồng. Từ đó cần buộc bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 51.477.430 đồng là phù hợp.

[6] Như vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn theo lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Về chi phí định giá tài sản: Ông L phải chịu 2.000.000 đồng, ông T đã nộp xong, ông L phải hoàn trả cho ông T theo quy định.

[8] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T không phải chịu, ông T đã dự nộp được nhận lại. Ông L phải chịu $51.477.430 \text{ đồng} \times 5\% = 2.573.871 \text{ đồng}$.

- Án phí phúc thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Chí Linh. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H.

Buộc ông Nguyễn Chí L trả cho ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H số tiền 51.477.430 đồng (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

2. Về chi phí định giá tài sản: Ông Nguyễn Chí L phải chịu 2.000.000 đồng. Ông T đã nộp xong, buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H không phải chịu, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0011240 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Nguyễn Chí L phải chịu 2.573.871 đồng (chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Chí L phải chịu 300.000 đồng, ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0012058 ngày 10/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

